

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HS-PT
Ngày: 03/02/2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Đinh Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Trần Việt Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 251/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Thị Việt A về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị Việt A - sinh ngày 29/6/1993 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi cư trú: thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: nguyên Thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã S (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Sỹ H1 (sinh năm 1971) và bà Phạm Thị H2 (sinh năm 1971); có chồng là Trần Ngọc H3 (sinh năm 1989) và có 02 con (lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Trần Thị H - sinh ngày 10/12/1987 tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi cư trú: khu phố H, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã S, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: nguyên Kế toán Ủy ban nhân dân xã S (nay là

Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Quang Đ (sinh năm 1956) và bà Hoàng Thị T1 (sinh năm 1958); có chồng là Nguyễn Tiến V (sinh năm 1983) và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Việt A theo yêu cầu của bị cáo:* ông Phạm Hoàng P - Luật sư của Công ty L1. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H theo yêu cầu của bị cáo:* bà Đỗ Thị Phương T2 - Luật sư của Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có 04 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk) là cơ quan hành chính, có con dấu, tài khoản riêng và kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp theo quy định của pháp luật. Ngày 05/7/2016 và ngày 12/7/2021, Ủy ban nhân dân huyện S phê chuẩn kết quả bầu cử Nguyễn Thái H4 làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S nhiệm kỳ 2016 - 2021, 2021 - 2026 và được phân công phụ trách chung, chủ tài khoản, quản lý thu - chi ngân sách, trực tiếp phụ trách theo dõi chỉ đạo tài chính của xã. Ngày 24/02/2017, Ủy ban nhân dân xã S có Thông báo số 12/TB-UBND phân công Lê Văn D làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S nhiệm kỳ 2016 - 2021 phụ trách lĩnh vực văn hóa xã hội, đến năm 2021 được phân công giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã S.

Ngày 23/3/2011, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 514/QĐ-UBND về việc tuyển dụng công chức theo chính sách thu hút trí thức trẻ về công tác tại xã S đối với Nguyễn Thị T3, phân công làm Kế toán xã. Ngày 10/9/2018, Ủy ban nhân dân xã S có Thông báo số 79/TB- UBND phân công Thu phụ trách tài chính kế toán và thực hiện đăng ký chữ ký Kế toán trưởng. Ngày 31/7/2023, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND cho T3 nghỉ việc. Ngày 07/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 2128/QĐ-UBND bổ nhiệm Trần Thị H phụ trách Kế toán từ ngày 01/8/2023 thay cho T3. Nguyễn Thị Việt A được phân công làm Thủ quỹ từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2018, từ tháng 3/2019 đến tháng 02/2020 và từ tháng 9/2020 đến tháng 8/2022. Năm 2017, Thanh tra huyện S thanh tra việc quản lý, thực hiện thu - chi ngân sách Nhà nước và các khoản thu - chi khác của Ủy ban nhân dân xã S giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016. Ngày 22/11/2017, Thanh

tra huyện có Kết luận số 04 chỉ ra những sai phạm của Ủy ban nhân dân xã S như: có mở một sổ kế toán để theo dõi việc tiếp nhận, quản lý các nguồn thu, chi, nhưng các mẫu sổ này không đúng theo quy định; chưa mở sổ cái, sổ tài sản cố định, sổ tổng hợp thu ngân sách xã, sổ tổng hợp chi ngân sách xã; chi sai, chi vượt nguồn kinh phí được cấp, lập khống chứng từ để chi, chi trùng lặp, chi không đúng đối tượng, giả chữ ký để nhận tiền... đồng thời chỉ ra sai phạm của Nguyễn Thị T3 và Nguyễn Thái H4 và đề nghị Ủy ban nhân dân xã S chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, sai sót trên.

Tháng 3/2020, Kho bạc Nhà nước huyện S triển khai thực hiện giao dịch chi ngân sách bằng dịch vụ công trực tuyến (hay gọi là giao dịch điện tử). Để thực hiện, H4 mở tài khoản trên trang thông tin dịch vụ công Kho bạc Nhà nước tên "2165nguyenthaihung", được cấp USB-Token ký số chủ tài khoản, H4 giao USB-Token cho T3 quản lý, sử dụng ký duyệt chứng từ điện tử rút tiền ngân sách Nhà nước cấp cho Ủy ban nhân dân xã. T3 mở tài khoản tên "2165nguyenthithu01", được cấp 01 USB-Token ký số Kế toán trưởng.

Từ năm 2021 đến năm 2023, Nguyễn Thái H4 là chủ tài khoản thu, chi ngân sách xã nhưng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, H4 đã thực hiện không đúng quy định của pháp luật. H4 lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, chỉ đạo T3 lập khống chứng từ nhằm chiếm đoạt tiền của Ủy ban nhân dân xã; giao chữ ký số cho T3 toàn quyền sử dụng; không quản lý, kiểm tra quỹ tiền mặt để T3 chiếm đoạt tiền ngân sách của Ủy ban nhân dân xã, gây thất thoát tài sản Nhà nước.

Cũng trong khoảng thời gian này, Nguyễn Thị T3 là Kế toán Ủy ban nhân dân xã S, có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q hoạt động thu, chi ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, T3 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, lợi dụng việc Nguyễn Thái H4 giao chữ ký số của H4 cho T3 quản lý, sử dụng nên đã cùng H4 lập khống chứng từ, tự ý lập khống chứng từ để rút tiền ngân sách của Ủy ban nhân dân xã S, lấy quỹ tiền mặt của Ủy ban nhân dân xã rồi sử dụng sai quy định và chiếm đoạt sử dụng cá nhân. T3 đã lập khống 184 chứng từ, rút tiền của Ủy ban nhân dân xã S số tiền 3.459.765.858đồng. T3 sử dụng chi cho các hoạt động thực tế của Ủy ban nhân dân xã S 1.338.457.729đồng, nộp trả tạm ứng cho Kho bạc Nhà nước S số tiền 270.654.600đồng, nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước S để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách số tiền 70.000.000đồng, còn lại 1.780.653.529đồng T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Nguyễn Thái H4 chỉ đạo T3 lập khống hồ sơ thanh toán 04 tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã, rút tiền ngân sách Nhà nước. T3 lập khống 04 hợp đồng thi công, phụ lục hợp đồng và bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành với nội dung Ủy ban nhân dân xã S giao cho anh Lưu Tiến Đ1 nhận thầu thi công xây dựng 04 tuyến đường (đường S đi nghĩa địa thôn V,

đường V đi V thôn V, đường T đi kênh T thôn P, đường B đi Lò gạch thôn P), T3 ký giả chữ ký của anh Đ1 trên các chứng từ trên rồi trình H4 ký duyệt đại diện chủ đầu tư. Ngày 08/9/2021 và ngày 09/9/2021, T3 lập khống 12 chứng từ giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước, giấy rút vốn đầu tư và ký số điện tử tại mục Kế toán trưởng, sử dụng USB-Token của H4 ký số điện tử tại mục Thủ trưởng đơn vị trên chứng từ, rồi chuyển cho Kho bạc Nhà nước huyện S qua trang thông tin dịch vụ công để thanh toán thi công 04 tuyến đường nêu trên qua số tài khoản của anh Đ1 với số tiền 237.291.000đồng. Chị Lê Thị Kim T4 (vợ của anh Đ1) nhận tiền, rồi chuyển khoản cho Nguyễn Huyền T5, T5 chuyển cho T3. T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Ngoài ra, Nguyễn Huyền T5 còn nhiều lần giúp sức cho T3 chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân xã S (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk) số tiền 426.405.819đồng. Từ ngày 17/01/2022 đến ngày 19/01/2023, mặc dù Nguyễn Huyền T5 không phải là cán bộ của Ủy ban nhân dân xã S, nhưng T3 đã lập khống 17 chứng từ chi tiền lương, phụ cấp, hỗ trợ do Ủy ban nhân dân xã S chi trả cho T5 bằng hình thức chuyển khoản với tổng số tiền 141.857.033đồng. Sau khi nhận được tiền, T5 đưa lại cho T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân.

Nguyễn Thị Việt A là Thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã S, có trách nhiệm quản lý quỹ tiền mặt của xã. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, A đã không mở sổ quỹ tiền mặt để theo dõi, quản lý tài sản Nhà nước theo quy định. A biết rõ không có phiếu chi và không có nội dung chi cụ thể nhưng theo yêu cầu của Nguyễn Thị T3, A đã 42 lần lấy quỹ tiền mặt đưa cho T3 sử dụng với số tiền 960.183.000đồng, T3 đã trả lại cho A để chi cho các hoạt động của xã 60 lần với số tiền 762.324.000đồng, còn lại 197.859.000đồng T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân. A đã gây thất thoát cho ngân sách Ủy ban nhân dân xã S với số tiền 197.859.000đồng.

Ngày 01/8/2023, Trần Thị H được phân công phụ trách Kế toán xã S thay cho Nguyễn Thị T3. Hường có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q hoạt động thu, chi ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nguyễn Thái H4 yêu cầu T3 hướng dẫn và bàn giao công tác kế toán cho H. T3 bảo H đưa bản sao căn cước công dân, số điện thoại để T3 đăng ký mở tài khoản dịch vụ công, chữ ký số Kế toán trưởng cho H. Khi được cấp tài khoản tên "2165tranthihuong" cùng với 01 USB-Token, Thu nhận sử dụng, không giao lại cho H. H không biết được cấp chữ ký số và không biết công dụng của chữ ký số. Đến giữa tháng 9/2023, khi thực hiện giao dịch với Kho bạc Nhà nước huyện S, H mới biết cần phải có chữ ký số Kế toán trưởng và chủ tài khoản mới ký duyệt được chứng từ nên liên hệ T3 lấy lại. Ngày 17/9/2023, T3 giao lại 02 USB-Token cho H và hướng dẫn H thao tác ký số trên chứng từ kế toán. Nhưng từ ngày 25/9/2023 đến ngày 28/9/2023, H đã không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao, không kiểm tra khoản chi có thật sự phát sinh không, có hóa đơn, chứng từ kế toán kèm theo hay không, mà tin tưởng việc T3 lập giấy rút dự toán sẵn là đúng quy định, đúng thực tế nên đã

sử dụng USB-Token của H và H4 ký số tại mục Kế toán trưởng và chủ tài khoản đối với 05 giấy rút dự toán do T3 lập không, với số tiền 160.000.000đồng. Sau khi các tài khoản do T3 mượn nhận được tiền thì chuyển lại cho T3, T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân với số tiền 160.000.000đồng. Như vậy, Trần Thị H gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 160.000.000đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 139/2025/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Việt A 09 (chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Việt A đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác thủ quỹ trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thị H 06 (sáu) tháng tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm bị cáo H đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác kế toán trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thái H4, Nguyễn Huyền T5, Lê Văn D, quyết định về bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Thị Việt A kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Trần Thị H có đơn kháng cáo bổ sung xin không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Thị H và Nguyễn Thị Việt A thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị được Hội đồng xét xử cho hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình. Bị cáo Trần Thị H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phần hình phạt bổ sung.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: các bị cáo Nguyễn Thị Việt A và Trần Thị H phạm tội không vì động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác, không chiếm đoạt tài sản, không có tình tiết tăng nặng, mỗi bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Việt A và Trần Thị H đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới. Xét các bị cáo A, H phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo A, H, áp dụng khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử bị cáo A 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và xử bị cáo H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Luật sư Phạm Hoàng P bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Việt A đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Việt A, cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo A đã nộp số tiền 10.000.000đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả, đã nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, ông bà ngoại của bị cáo có công cách mạng và đặc biệt là bị cáo A ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong muốn được hưởng án treo để được chăm sóc các con còn nhỏ.

- Luật sư Đỗ Thị Phương T2 bào chữa cho bị cáo Trần Thị H đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo H được hưởng án treo vì bị cáo phạm tội với lỗi vô ý do cẩu thả, không có động cơ vụ lợi, không chiếm đoạt tài sản, bị cáo mới được tuyển dụng, không được bị cáo Nguyễn Thị T3 bàn giao công việc kế toán, hướng dẫn sử dụng chữ ký số dẫn đến sai phạm. Bị cáo H đã chủ động báo cáo Chủ tịch xã và Đảng ủy xã S tố giác hành vi vi phạm của bị cáo Nguyễn Thị T3 và sai phạm của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo H được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phân hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Thị Việt A: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Thị Việt A đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, nguyên đơn dân sự và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Thị Việt A là Thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã Đ, tỉnh Đắk Lắk), được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước. A đã vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản, không quản lý chặt chẽ quỹ tiền mặt để Nguyễn Thị T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân, gây thất thoát tài sản Nhà nước với số tiền 197.859.000đồng. Trần Thị H là Kế toán của Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã Đ, tỉnh Đắk Lắk), nhưng từ ngày 25/9/2023 đến ngày 28/9/2023, H đã không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao, không kiểm tra khoản chi có thật sự phát sinh hay không, có hóa đơn, chứng từ kế toán kèm theo hay không, mà tin tưởng việc T3 lập sẵn giấy rút dự toán nên đã sử dụng USB-Token của H và Nguyễn Thái H4 ký số tại mục Kế toán trưởng và chủ tài khoản đối với 05 giấy rút dự toán do Nguyễn Thị T3 lập không, với số

tiền 160.000.000đồng. Sau khi các tài khoản do T3 mượn nhận được tiền thì đã chuyển lại cho T3, T3 chiếm đoạt sử dụng cá nhân số tiền này. Như vậy, Trần Thị H gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 160.000.000đồng. Xét Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Thị Việt A về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” và xử bị cáo Trần Thị H về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Việt A và bị cáo Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Nguyễn Thị Việt A gây thất thoát tài sản Nhà nước với số tiền 197.859.000đồng nên phạm vào khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thị H gây thiệt hại tài sản Nhà nước với số tiền 160.000.000đồng nên phạm vào điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo A, H đã xâm phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã S và xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, xử phạt bị cáo A mức án 09 tháng tù, bị cáo H 06 tháng tù là phù hợp.

[3.2] Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo A xuất trình tài liệu chứng cứ mới thể hiện: ngoài số tiền bị cáo A đã khắc phục thì bị cáo nộp thêm số tiền 10.000.000đồng khắc phục một phần thiệt hại do bị cáo Nguyễn Thị T3 gây ra; có ông, bà ngoại được tặng thưởng Huân, Huy chương các loại và được nhiều người dân nơi bị cáo cư trú (thôn H, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk) có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo Trần Thị H xuất trình tài liệu chứng cứ mới thể hiện: một số người ruột thịt bên chồng bị cáo cũng được tặng thưởng H5, Huy chương các loại; bị cáo được các Chi hội, đoàn thể và nhiều người dân nơi bị cáo cư trú (thôn H, xã S, tỉnh Đắk Lắk) có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo; ngay khi biết được hành vi vi phạm của Nguyễn Thị T3 thì bị cáo H đã chủ động có đơn báo cáo Đảng ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S yêu cầu can thiệp và bị cáo có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho cả hai bị cáo.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo A, H phạm tội lần đầu, không vì mục đích vụ lợi, đều bị Tòa án cấp sơ thẩm xử mức án dưới 12 tháng tù, đang nuôi con nhỏ dưới 15 tuổi, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được chính quyền địa phương nơi cư trú bảo lãnh, giáo dục (nếu được hưởng án treo), các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo A, H có khả năng tự cải tạo tại địa phương, không cần thiết xử phạt tù giam đối với hai bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo A và bị cáo H, cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của các Luật sư và đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[4] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Việt A được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Việt A; sửa phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 139/2025/HS-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo Nguyễn Thị Việt A và bị cáo Trần Thị H.

1. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Việt A **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”. Thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Việt A cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Việt A đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác thủ quỹ trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Áp dụng điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thị H **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời gian thử thách là **12** (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Cấm bị cáo Trần Thị H đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác kế toán trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Việt A đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000252 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí phúc thẩm: bị cáo Trần Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Việt A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, Luật sư;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên